

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020

Ngày 27/5/2016, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII đã ban hành Quyết định số 289-QĐ/TU về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020. Để triển khai thực hiện, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 – 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp, nhằm đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu về giảm nghèo đến năm 2020 trong Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020 đã đề ra.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành, các địa phương; xác định rõ trách nhiệm và thời gian hoàn thành; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.

3. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình đến các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp, cán bộ đảng viên và người dân, đặc biệt là hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác giảm nghèo, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Điều tra, rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch điều tra, khảo sát; xây dựng hướng dẫn tiêu chí cụ thể để phân loại nguyên nhân nghèo và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (theo 11 nguyên nhân nghèo về thu nhập và 10 tiêu chí về tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản), gắn với hệ thống biểu mẫu điều tra, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày 25 tháng 10.

1.2. UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là huyện), triển khai điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện xong trước ngày 30 tháng 10.

UBND các huyện phải hướng dẫn cho các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) trên địa bàn tiến hành điều tra, rà soát. Tổng hợp phân tích các nguyên nhân nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều và theo hướng dẫn của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

1.3. UBND các xã triển khai thực hiện việc điều tra, rà soát nguyên nhân nghèo xong trước ngày 15 tháng 11.

Điều tra, rà soát của các xã phải nắm chắc được thực trạng, nguyên nhân nghèo và các chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của từng người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo để có những giải pháp tác động thiết thực, hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo.

2. Xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020 và hàng năm.

2.1. UBND xã hàng năm trên cơ sở điều tra, rà soát, xây dựng kế hoạch giảm nghèo của xã, xác định mục tiêu cụ thể và các giải pháp tác động theo từng nhóm nguyên nhân nghèo về thu nhập và các chiều thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Kế hoạch giảm nghèo của xã xong trước ngày 10 tháng 11 hàng năm;

Kế hoạch giảm nghèo của xã phải cụ thể đến từng hộ gia đình, mỗi hộ có thể cần tác động một hoặc nhiều nguyên nhân tương ứng với một hoặc nhiều giải pháp cụ thể như:

- Đối với hộ thiếu vốn sản xuất thì hướng dẫn và phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội đáp ứng;

- Đối với hộ thiếu đất sản xuất, các địa phương xem xét quỹ đất để giải quyết, đối với các xã khó khăn về quỹ đất thì tổng hợp báo cáo UBND huyện giải quyết (chủ yếu đối với khu vực miền núi);

- Đối với hộ thiếu kỹ năng lao động, thiếu việc làm thì hỗ trợ tổ chức đào tạo kỹ năng, đào tạo nghề; hộ thiếu kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm làm ăn thì xã, thôn, bản có trách nhiệm chỉ đạo, phân công cán bộ, đảng viên có uy tín và kinh nghiệm làm ăn kèm cặp, giúp đỡ;

- Đối với hộ thiếu việc làm thì tổng hợp từng xã, từng huyện để triển khai giải pháp phát triển sản xuất nông nghiệp hoặc kêu gọi các nhà đầu tư các lĩnh vực thu hút nhiều lao động trên địa bàn, khuyến khích xuất khẩu lao động;

- Đối với hộ thiếu ý chí vươn lên thì tuyên truyền vận động và cử cán bộ, đảng viên kèm cặp giúp đỡ;

- Đối với hộ ốm đau dài ngày, hoàn cảnh khó khăn, thiếu lao động thì vận động các doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ bằng các hình thức phù hợp...;

2.2. UBND các huyện trên cơ sở kế hoạch giảm nghèo hàng năm của các xã xây dựng Kế hoạch giảm nghèo của huyện giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2017, thời gian hoàn thành trước ngày 30/11/2016.

Yêu cầu: Kế hoạch giảm nghèo của huyện phải xác định mục tiêu và giải pháp cụ thể theo các nhóm nguyên nhân; xác định rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị; cấp huyện trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, cấp xã trực tiếp

tổ chức thực hiện. Trên cơ sở đề nghị của UBND xã và tình hình thực tế, UBND huyện giao chỉ tiêu giảm nghèo cho từng xã, xong trước ngày 05 tháng 12.

2.3. Các sở, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công để xây dựng kế hoạch giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2017 xong trước ngày 05 tháng 12. Trong kế hoạch cần xác định rõ mục tiêu giảm nghèo cụ thể theo từng nguyên nhân liên quan đến chức năng nhiệm vụ của sở, ngành. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tham mưu cho UBND tỉnh giao chỉ tiêu giảm nghèo cho các ngành để xây dựng kế hoạch triển khai.

2.3.1. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan phân tích dữ liệu về hộ nghèo toàn tỉnh và kế hoạch giảm nghèo nhanh và bền vững của các huyện để xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020 và hàng năm của Tỉnh giao chỉ tiêu giảm nghèo cụ thể của UBND tỉnh cho UBND huyện, xong trước ngày 10 tháng 12.

- Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; nâng cao năng lực dự báo và thông tin thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động, tạo cơ hội việc làm cho người lao động;

- Hàng năm xây dựng kế hoạch đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tập trung thực hiện có hiệu quả đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan: thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế cho các đối tượng thuộc diện Nhà nước đóng, hỗ trợ đóng BHYT.

2.3.2. Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục:

- Rà soát, sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp học; tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy và học; bố trí, sắp xếp, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên góp phần nâng cao chất lượng dạy và học;

- Thực hiện đầy đủ chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ gạo, tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn; chế độ, chính sách thu hút giáo viên về công tác ở vùng đặc biệt khó khăn; chính sách nội trú đối với học sinh, sinh viên học cao đẳng, trung cấp;

- Khích lệ, động viên, khen thưởng người nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số tích cực học tập, nâng cao trình độ thông qua các phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng đến năm 2020, gắn với xây dựng xã, thôn văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới và chuẩn xã hội học tập.

2.3.3. Sở Y tế xây dựng kế hoạch tiếp cận dịch vụ xã hội về y tế:

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế phục vụ khám, chữa bệnh cho các bệnh viện và mạng lưới y tế cơ sở; bố trí đủ số lượng, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ bác sỹ, y sỹ tại các bệnh viện, trạm y tế, trường học, doanh nghiệp; cộng tác viên y tế thôn, bản, đặc biệt là những vùng khó khăn;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số.

2.3.4. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tiếp cận dịch vụ về nhà ở: Đẩy mạnh thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo; chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở; các giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với bão, lũ, lụt; rà soát lại quy hoạch, bố trí, sắp xếp lại đất ở dân cư; xóa bỏ tình trạng hộ không có nhà ở, hộ phải sống trong nhà đơn sơ, nhà thiếu kiên cố; đảm bảo diện tích nhà ở tối thiểu từ 8m²/người trở lên.

2.3.5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch về tiếp cận dịch vụ nước sạch và vệ sinh:

- Triển khai thực hiện tốt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành về nông nghiệp, nông thôn; tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

- Tham mưu thực hiện hỗ trợ xây dựng các công trình nước sạch tập trung và phân tán; xây dựng công trình hồ xí/nhà tiêu và chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh.

2.3.6. Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch tiếp cận các dịch vụ về thông tin: Đẩy mạnh thực hiện Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất; chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích trên địa bàn đến năm 2020; đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng viễn thông; điểm truy cập Internet; hệ thống phát thanh - truyền hình và hệ thống truyền thanh cơ sở với thiết bị, công nghệ hiện đại; đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thông tin và truyền thông tại cơ sở.

2.3.7. Ban Dân tộc: Chỉ đạo, hướng dẫn các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện nghèo; phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo, hộ cận nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.

2.3.8. Sở Khoa học và Công nghệ: Thực hiện có hiệu quả Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025.

2.3.9. Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn UBND cấp huyện lập phương án bố trí quỹ đất để giao đất cho hộ nghèo, cận nghèo (đối với những vùng có khả năng); hướng dẫn đo đạc địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân để ổn định sản xuất.

2.3.10. Sở Công thương:

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; kêu gọi đầu tư các dự án may mặc, giày da... thu hút nhiều lao động về khu vực nông thôn, miền núi; quảng bá, giới thiệu sản phẩm, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân;

- Rà soát quy hoạch, phát triển mạng lưới chợ nông thôn, miền núi; phát triển kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại, siêu thị tại các thị trấn, thị tứ, khu vực đông dân cư, trung tâm các huyện miền núi; đẩy mạnh lưu thông hàng hóa, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và tiêu thụ sản phẩm của người dân.

2.3.11. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Đẩy mạnh phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế; từng bước hình thành và phát triển các tua du lịch kết nối giữa các vùng miền, gắn kết các điểm du lịch làng nghề, du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh với các tuyến du lịch của tỉnh theo quy hoạch nhằm thu hút du khách trong và ngoài nước, góp phần tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người nghèo;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương: hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở đạt chuẩn, tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động và hưởng thụ văn hóa; bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số.

2.3.12. Sở Ngoại vụ: Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế, xúc tiến, vận động các chương trình, dự án trong các lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn, y tế, giáo dục, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao sinh kế cho người dân các huyện nghèo ở miền núi và ven biển; tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn vốn tài trợ từ các chương trình, dự án của các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ cho các huyện nghèo và vùng khó khăn của tỉnh.

2.3.13. Sở Tư pháp: Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp pháp lý của các Trung tâm trợ giúp pháp lý ở cơ sở, đặc biệt đối tượng là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo, huyện nghèo và các đối tượng bảo trợ xã hội.

2.3.14. Ngân hàng Chính sách xã hội: Tạo lập đủ nguồn vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo được vay từ các chương trình, dự án tín dụng ưu đãi; các chương trình cho vay xây dựng nhà ở; xây dựng phòng, tránh bão, lụt; cho vay để mua, thuê nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở;

chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng các công trình nước sạch, các công trình vệ sinh, cải tạo chuồng trại chăn nuôi...

2.3.15. Trung tâm Xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch tỉnh chủ trì, phối hợp với Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh kêu gọi các doanh nghiệp ưu tiên đầu tư nông nghiệp, nông thôn, nhất là các ngành may mặc, giấy da, chế biến tại khu vực nông thôn để thu hút lao động, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

3. Chỉ đạo thực hiện kế hoạch

3.1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Hàng năm có kế hoạch phân bổ nguồn lực cho các địa phương trên nguyên tắc đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên cho vùng nghèo, huyện nghèo, thôn bản, xã đặc biệt khó khăn, nhất là các công trình thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, tránh dàn trải, kém hiệu quả. Đồng thời phối hợp hướng dẫn thực hiện sử dụng đúng nguồn kinh phí, đúng nội dung và mục tiêu của Chương trình.

3.2. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh theo nội dung kế hoạch có liên quan đến chức năng nhiệm vụ để triển khai thực hiện.

3.3. Đề nghị UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các tổ chức đoàn thể và UBND các huyện, thị xã, thành phố: Thường xuyên vận động ủng hộ người nghèo; hàng năm tổ chức phát động cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”. Nguồn quỹ ủng hộ được chuyển về Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để thực hiện hỗ trợ vốn cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển sản xuất vươn lên thoát nghèo.

3.4. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn của huyện;

- Chủ động huy động, lồng ghép các nguồn lực và ưu tiên phân bổ nguồn vốn để hỗ trợ thực hiện công tác giảm nghèo tại các xã đặc biệt khó khăn; bố trí một phần ngân sách địa phương để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo.

3.5. UBND cấp xã: là đơn vị tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo chịu trách nhiệm chỉ đạo các thôn, bản,... giúp đỡ, hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo các nhóm nguyên nhân như: thiếu kinh nghiệm, không có ý chí vươn lên thoát nghèo,...; triển khai các nội dung hoạt động của chương trình giảm nghèo đến từng hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khơi dậy ý chí vươn lên thoát nghèo của hộ nghèo, cận nghèo

4.1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương: chỉ đạo, hướng dẫn Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa và các cơ quan báo chí trong tỉnh, hệ thống đài truyền thanh cơ sở tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng; chính

sách, pháp luật của Nhà nước về giảm nghèo và Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững của Tỉnh; kịp thời biểu dương, phổ biến các mô hình sản xuất giỏi; gương thoát nghèo; khơi dậy ý chí, nỗ lực vươn lên thoát nghèo của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo; nâng thời lượng phát sóng các chuyên mục, chuyên trang về người nghèo bằng tiếng kinh và tiếng dân tộc thiểu số.

4.2. Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số hạn chế, xóa bỏ các phong tục lạc hậu, mê tín dị đoan; thực hiện nếp sống văn hóa và duy trì phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4.3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan và các địa phương thực hiện bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc, nhất là dân tộc thiểu số.

4.4. Sở Lao động-Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương thực hiện các hoạt động truyền thông về giảm nghèo; đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo.

4.5. UBND các huyện, thị xã, thành phố: Chỉ đạo Đài truyền thanh thực hiện tốt công tác tuyên truyền về các chủ trương, chính sách, dự án về giảm nghèo trên địa bàn.

4.6. UBND các xã tổ chức tuyên truyền phổ biến nhân rộng các mô hình vươn lên thoát nghèo; đồng thời phê phán các hộ có tư tưởng trông chờ, ỉ lại, thiếu ý chí vươn lên thoát nghèo trên đài truyền thanh của xã và thông qua các hội nghị, các hình thức sinh hoạt cộng đồng.

5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể các cấp đối với công tác giảm nghèo

5.1. Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn 2016 - 2020 từ cấp tỉnh đến cấp xã. Trong đó phân công rõ trách nhiệm và nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, từng cơ quan đơn vị và từng thành viên Ban Chỉ đạo. Xây dựng quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo, quy định cơ chế điều hành và phối hợp chỉ đạo thực hiện chương trình.

5.2. Huyện ủy ban hành nghị quyết, UBND huyện xây dựng chương trình, kế hoạch. Trong đó xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu, các giải pháp cụ thể và quy định rõ trách nhiệm để tổ chức triển khai lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện. Huy động các nguồn lực từ cộng đồng, người dân địa phương cùng với ngân sách Nhà nước, sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho công tác giảm nghèo.

5.3. Đảng ủy xã ban hành nghị quyết, UBND xã xây dựng chương trình, kế hoạch. Trong đó xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu đạt được hàng năm về giảm nghèo của địa phương mình. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thôn, bản, từng cấp ủy chỉ bộ, cán bộ, đảng viên giúp đỡ các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo. Chỉ đạo

thôn, bản phải có trách nhiệm giúp đỡ các hộ nghèo, cận nghèo. Đảng ủy, UBND xã là đơn vị tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm chính về giảm nghèo của địa phương mình, nếu không hoàn thành kế hoạch giảm nghèo của xã Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch UBND xã phải chịu trách nhiệm và bị hạ bậc xếp loại trong năm.

5.4. Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ vận động cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tham gia công tác giảm nghèo bền vững.

5.5. Đề nghị MTTQ tỉnh và đoàn thể các cấp thực hiện tốt kế hoạch vận động sự tham gia của toàn xã hội chung tay thực hiện công cuộc giảm nghèo bền vững của tỉnh. Trực tiếp tham gia hướng dẫn giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo tích cực lao động, sản xuất, tạo việc làm vươn lên thoát nghèo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã căn cứ nhiệm vụ và giải pháp trong kế hoạch, xây dựng chương trình, kế hoạch của đơn vị mình; phân công lãnh đạo trực tiếp, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện. Định kỳ 6 tháng và hàng năm, báo cáo tình hình và kết quả thực hiện về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm phối hợp, tham gia xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án do các cơ quan khác chủ trì thuộc các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của sở, ngành, đơn vị, địa phương mình nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan chủ trì chương trình có trách nhiệm đôn đốc, tổng hợp, kiểm tra, giám sát các sở, ngành, đơn vị và UBND cấp huyện trong việc thực hiện Kế hoạch này, tổng hợp tình hình, báo cáo UBND tỉnh./.

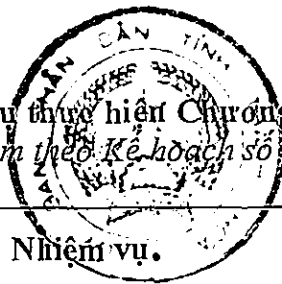
Nơi nhận:

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh VP, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V.X.luyBTXH66

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

The image shows a circular official stamp of the Provincial People's Committee (Ủy ban Nhân dân Tỉnh) with a handwritten signature in black ink over it. The signature is written in a cursive style.

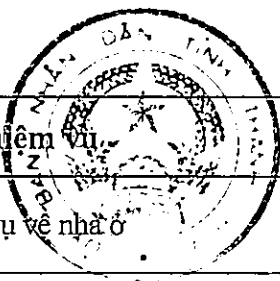
Nguyễn Đình Xứng



Phụ lục

Phân công nhiệm vụ thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020
(Kèm theo Kế hoạch số 159 /KH-UBND ngày 21/10/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nhiệm vụ.	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phê duyệt	Thời gian hoàn thành
I	ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT, XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU HỘ NGHÈO				
1	Xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn tiếp cận đa chiều hàng năm giai đoạn 2016 - 2020.	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	UBND tỉnh	25/10 hàng năm
2	Điều tra, xác định xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Chủ tịch UBND tỉnh	Quý II, IV năm 2016
3	Điều tra, xác định thôn, bản đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV năm 2016
4	Điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn cấp huyện	UBND huyện, thị xã, thành phố		Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố	30/10/hàng năm
5	Điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo, nguyên nhân nghèo cấp xã	UBND xã, phường, thị trấn		Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn	15/11/hàng năm
II	XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016 – 2020 VÀ HÀNG NĂM				
1	Xây dựng kế hoạch giảm nghèo hàng năm của cấp xã	UBND xã		Chủ tịch UBND xã	10/11/hàng năm
2	Xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm của cấp huyện	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cán ban, ngành, cấp huyện, các xã phường, thị trấn	Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố	30/11/ hàng năm
3	Xây dựng kế hoạch tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	05/12/ hàng năm
4	Xây dựng kế hoạch tiếp cận dịch vụ xã hội về y tế	Sở Y tế	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Giám đốc Sở Y tế	05/12/hàng năm



STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phê duyệt	Thời gian hoàn thành
5	Xây dựng kế hoạch tiếp cận dịch vụ về nhà ở	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Giám đốc Sở Xây dựng	05/12/hàng năm
6	Xây dựng kế hoạch về tiếp cận dịch vụ nước sạch và vệ sinh	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT	05/12/ hàng năm
7	Xây dựng kế hoạch về tiếp cận các dịch vụ về thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Giám đốc Sở Thông tin và TT	05/12/hàng năm
8	Xây dựng kế hoạch giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020 và hàng năm của Tỉnh.	Sở Lao động – TB&XH	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Chủ tịch UBND tỉnh	10/12/hàng năm
III	KIỆN TOÀN BAN CHỈ ĐẠO GIẢM NGHÈO CÁC CẤP				
1	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020	Sở KH và ĐT	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và địa phương	Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV năm 2016
2	Kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố; cấp xã phường, thị trấn giai đoạn 2016 – 2020.	UBND cấp huyện, xã		Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố	Quý IV năm 2016
IV	PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM, NÂNG CAO THU NHẬP				
1	Xây dựng Chương trình giải quyết việc làm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương	UBND tỉnh	Năm 2016
2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương	UBND tỉnh	Năm 2016
3	Xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020	Sở Lao động - TBXH	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và các địa phương	UBND tỉnh	Năm 2016
4	Xây dựng Đề án xây dựng điểm điển hình giảm nghèo nhanh và bền vững tại các huyện nghèo tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016 - 2020	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị liên quan và 7 huyện nghèo	Chủ tịch UBND tỉnh	Năm 2016
V	TRUYỀN THÔNG, NÂNG CAO NHẬN THỨC VÀ KHEN THƯỞNG				
1	Xây dựng Kế hoạch truyền thông thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành liên quan và các địa phương	UBND tỉnh	Quý IV năm 2016

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Phê duyệt	Thời gian hoàn thành
2	Xây dựng Chính sách khen thưởng và hỗ trợ đồng tình phúc lợi trong thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020	Ban Thi đua khen thưởng tỉnh	Các sở, ngành liên quan và các địa phương	Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV năm 2016
VI	VẬN ĐỘNG XÂY DỰNG QUỸ VÌ NGƯỜI NGHÈO				
	Phát động ủng hộ xây dựng Quỹ vì người nghèo. Tổ chức Chương trình “Ngày vì người nghèo” vào trung tuần tháng 12.	Đề nghị UBMTTQ tỉnh chủ trì	Các sở, ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân và toàn xã hội		Hàng năm
VII	BÁO CÁO, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU GIẢM NGHÈO HÀNG NĂM VÀ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020				
1	Điều tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo của các xã, phường, thị trấn hàng năm và giai đoạn 2016 - 2019 và 2016 - 2020	UBND các huyện, thị xã, thành phố		Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 12 hàng năm
2	Điều tra, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo theo lĩnh vực và đồ đầu các huyện, xã (theo phân công nhiệm vụ tại Quyết định số 289-QĐ/TU) hàng năm, giai đoạn 2016 - 2019 và 2016 - 2020 (gửi cơ quan chủ trì thực hiện chương trình)	Các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan và các địa phương	Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh	Tháng 12 hàng năm
3	Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu giảm nghèo theo Quyết định số 289-QĐ/TU hàng năm, giai đoạn 2016 - 2019 và 2016 - 2020	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Các sở, ngành, đơn vị có liên quan và các địa phương	Chủ tịch UBND tỉnh	Tháng 12 hàng năm